

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ
(Áp dụng từ ngày 16/06/2016)

	Dịch vụ	Mức phí	Tối thiểu tương đương	Tối đa tương đương
I	CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ			
1	Chuyển tiền đi quốc tế			
1.1	Chuyển tiền bằng điện	0,15% giá trị giao dịch	USD 5	USD 200
	Nếu người chuyển tiền chịu phí Ngân hàng đại lý (NHĐL) - Phí OUR, thu thêm:			
	<i>a. Chuyển đi bằng USD</i>	USD 25		
	<i>b. Chuyển đi bằng JPY</i>	JPY 6500		
	<i>c. Chuyển đi bằng ngoại tệ khác</i>	Như mức phí NHĐL thực thu - Tối thiểu USD 30		
1.2	Chuyển tiền bằng bankdraft	0,10%	USD 5	USD 200
1.3	Phí back value (phí NHĐL thu)	Thu theo thực tế		
1.4	Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	USD 5 + chi phí thực tế NHĐL thu		
1.5	Hủy lệnh chuyển tiền	USD 5 + chi phí thực tế NHĐL thu		
2	Chuyển tiền đến quốc tế			
2.1	Phí thu người hưởng (BEN, SHA)	Miễn phí		
2.2	Phí thu Ngân hàng chuyển (OUR)	USD 15		
2.3	Nhận tiền mặt tại OceanBank			
2.3.1	Nhận bằng tiền VND	Theo biểu phí dịch vụ Ngân quỹ và thanh toán trong nước		
2.3.2	Nhận bằng ngoại tệ			
	<i>a. Nguồn tiền từ nước ngoài chuyển về bằng USD trên 5 ngày</i>	Miễn phí		
	<i>b. Nguồn tiền từ nước ngoài chuyển về trong vòng 5 ngày và các trường hợp khác</i>	Theo biểu phí dịch vụ Ngân quỹ và thanh toán trong nước		
2.4	Chuyển cho người hưởng tại Ngân hàng trong nước khác			
	<i>a. Phí thu người hưởng (BEN, SHA)</i>	USD 5 + Phí thanh toán trong nước tương ứng		
	<i>b. Phí thu Ngân hàng chuyển (OUR)</i>	USD 15 + Phí thanh toán trong nước tương ứng		
2.5	Thoái hồi lệnh chuyển tiền	USD 10 + chi phí thực tế NHĐL thu		
2.6	Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	USD 5 + chi phí thực tế NHĐL thu		
3	Điện SWIFT	USD 5		

	Dịch vụ	Mức phí	Tối thiểu tương đương	Tối đa tương đương
II	NHỜ THU CHỨNG TỪ			
1	Nhờ thu chứng từ Xuất khẩu			
1.1	Gửi Bộ chứng từ (BCT) đi nhờ thu	USD 5		
1.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0,12%/ trị giá BCT	USD 10	USD 200
1.3	Sửa đổi chỉ dẫn đòi tiền	USD 5		
2	Nhờ thu chứng từ Nhập khẩu			
2.1	Thông báo nhờ thu chứng từ	USD 5		
2.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0,18 %/trị giá BCT	USD 10	USD 200
2.3	Thông báo sửa đổi chỉ dẫn đòi tiền	USD 5		
2.4	Quản lý BCT nhờ thu trả chậm	USD 5/30 ngày /bộ		
3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu	USD 5 + phí trả NHĐL		
4	Nhờ thu bị từ chối	Theo thực tế phải trả		
5	Chuyển tiếp bộ chứng từ nhờ thu cho NH khác			
5.1	Trong nước	USD 5 + buu phí thực tế		
5.2	Ngoài nước	USD 10 + buu phí thực tế		
6	Tra soát nhờ thu	USD 5 + phí trả NHĐL		
7	Điện SWIFT	USD 10		
III	THƯ TÍN DỤNG (L/C)			
1	Thư tín dụng nhập khẩu			
1.1	Phát hành L/C			
	<i>a. Ký quỹ 100%</i>	0,05%	USD 20	USD 400
	<i>b. Ký quỹ <100%</i>		USD 50	USD 900
	+ Số tiền ký quỹ	0,05%		USD 400
	+ Số tiền được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi	0,06 %		USD 400
	+ Số tiền không ký quỹ/ không được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi (Thời gian tính phí kể từ ngày phát hành đến ngày hết hạn hiệu lực của L/C)	0,075% / 30 ngày		USD 500
	<i>c. Phụ thu nếu độ dài L/C quá 10,000 ký tự</i>	USD 10 / điện MT701		
1.2	Sửa đổi tăng trị giá và/ hoặc gia hạn thời hạn hiệu lực của L/C (OceanBank sẽ không thu phí cho những sửa đổi khác đi kèm)			
	<i>a. Đối với L/C ký quỹ 100%:</i>			
	+ Tăng trị giá L/C	Thu như phát hành L/C trên số tiền tăng thêm		
	+ Sửa đổi gia hạn Thời hạn hiệu lực	Thu như mức phí Sửa đổi khác		

	Dịch vụ	Mức phí	Tối thiểu tương đương	Tối đa tương đương
	<i>b. Đối với L/C ký quỹ <100%</i>			
	+ Sửa đổi tăng trị giá	Thu như phát hành L/C trên số tiền tăng thêm		
	+ Sửa đổi gia hạn thời hạn hiệu lực (và tăng giá trị L/C):	Thu như phát hành L/C: Cho phần trị giá chưa Ký quỹ cũ tính trên thời hạn từ ngày hiệu lực cũ đến ngày hiệu lực mới; và /hoặc Cho phần trị giá tăng thêm từ ngày điều chỉnh đến ngày hiệu lực mới.		
1.3	Sửa đổi khác	USD 10		
1.4	Hủy L/C theo yêu cầu	USD 15 + phí trả NHDL		
1.5	Thanh toán 1 BCT trả ngay	0,18%	USD 20	USD 500
1.6	Chấp nhận thanh toán L/C trả chậm			
	<i>a. L/C ký quỹ / được đảm bảo bằng tiền gửi 100% trị giá</i>	USD 20		
	<i>b. L/C ký quỹ / được đảm bảo bằng tiền gửi < 100% trị giá (thời gian tính phí kể từ ngày OceanBank thông báo chứng từ phù hợp / Khách hàng chấp nhận thanh toán cho đến ngày đáo hạn)</i>	USD 20 + 0,06% / 30 ngày / trị giá không ký quỹ / không được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi		
1.7	Bảo lãnh nhận hàng			
	<i>a. Phát hành bảo lãnh nhận hàng</i>	USD 50		
	<i>b. Phí duy trì bảo lãnh nhận hàng</i>	Miễn phí		
	<i>c. Phí sửa đổi bảo lãnh nhận hàng</i>	USD 10		
1.8	Ký hậu vận đơn / Phát hành ủy quyền nhận hàng khi bộ chứng từ chưa về tới OceanBank	USD 5		
1.9	Phí theo dõi hồ sơ	USD 5/ 30 ngày / bộ hồ sơ		
1.10	Phí xử lý BCT	USD 30-USD100		
2	Thư tín dụng xuất khẩu			
2.1	Thông báo L/C	USD 10		
2.2	Xác nhận L/C	Theo quy định của OceanBank tại từng thời kỳ		
2.3	Thông báo sửa đổi L/C do OceanBank xác nhận			
	<i>a. Sửa đổi tăng trị giá</i>	Như xác nhận L/C		
	<i>b. Sửa đổi khác</i>	USD 10		
2.4	Thông báo sửa đổi L/C OceanBank không xác nhận	USD 10		
2.5	Sửa đổi điều chỉnh thư đòi tiền	USD 10/lần		

	Dịch vụ	Mức phí	Tối thiểu tương đương	Tối đa tương đương
2.6	Thanh toán 1 BCT	0,12%	USD 20	USD 200
2.7	Chiết khấu BCT	Theo thỏa thuận		
2.8	Chuyển nhượng L/C	Theo quy định của OceanBank tại từng thời kỳ		
2.9	Kiểm tra bộ chứng từ XK	Miễn phí		
2.10	Hủy L/C	USD 20 + phí trả NHDL		
3	Điện SWIFT			
3.1	Điện phát hành L/C	USD 20/ điện		
3.2	Điện SWIFT khác	USD 10		

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Mức phí tương đương được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của OceanBank được công bố tại thời điểm thực hiện giao dịch.
3. Đối với các trường hợp phát sinh gửi điện/ chuyển phát chứng từ/ trả phí cho Ngân hàng đại lý: phí thu sẽ bao gồm phí dịch vụ và điện phí/ phí chuyển phát chứng từ và/ hoặc phí phải trả cho Ngân hàng đại lý.
4. OceanBank không có trách nhiệm hoàn trả lại số phí đã thu trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc các nguyên nhân không thuộc về OceanBank.
5. Biểu phí này có thể được thay đổi mà không cần có sự báo trước của OceanBank trừ khi giữa OceanBank và Khách hàng có thỏa thuận khác.